

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN BÀN  
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ - ST

Ngày 19 tháng 9 năm 2024

Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN- LÀO CAI.**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Bình;

2. Ông Hồ Trọng Trung;

Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Khá Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024. Về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST - HNGĐ ngày 05/9/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị D, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bẻ 2, xã Ch K, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Ngân Thành L, năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bẻ 2, xã Ch K, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: Bà Nông Thị Trường. Địa chỉ: Thôn Bẻ 2, xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Người làm chứng vắng mặt không có lý do.

**NỘI D VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Hà Thị D trình bày, có yêu cầu: Ngày 13/02/2005 chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thành L tại UBND xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn. H phúc được khoảng 08 năm đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh L bất đồng quan điểm, gay gắt nhất từ năm 2021 đến nay đã sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với anh L tính đến nay khoảng 03 năm nên không có thai với anh L. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh L. Đề nghị đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con chị Hà Thị D xác định: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Ngân Thùy D, sinh ngày 18/10/2007 và cháu Ngân Thị Hồng H, sinh ngày 25/10/2013. Hiện cháu D, cháu H đang do chị nuôi dưỡng, giáo dục. Nay, chị đề nghị Tòa giải quyết giao cháu D, cháu H cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản, nghĩa vụ thanh toán: Chị Hà Thị D xác định, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Thành L: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho anh L và giao văn bản tố tụng của tòa cho anh L. Tuy nhiên, anh L tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, không tham gia tố tụng, không ghi ý kiến trình bày quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản đối với yêu cầu khởi kiện của chị D để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L. Anh L đã được biết chị D khởi kiện về ly hôn, về giao con khi ly hôn với anh L .

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hà Thị D đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

+ Về con: Giao cháu Ngân Thùy D, sinh ngày 18/10/2007 và cháu Ngân Thị Hồng H, sinh ngày 25/10/2013 cho chị Hà Thị Diễm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thành L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Hà Thị D giao nộp và Tòa án xác minh thu thập được tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị D và anh L. Do anh L biết chị D yêu cầu giải quyết ly hôn với anh nên anh đi, không thông báo nơi ở mới và thông báo thời điểm trở về, cố ý giấu địa chỉ nơi ở mới, nơi làm việc hiện tại cho chị D không biết được địa chỉ mới của anh L nhằm né tránh việc ly hôn với chị D. Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý

đều được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng và phổ biến về các quyền, nghĩa vụ để anh L biết đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ và trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Sau đó anh L đi làm kinh tế thì văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết theo quy định đều là hợp lệ. Do anh L không tham gia tố tụng và không ghi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D và không gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích của mình từ khi thụ lý đến khi xét xử lần thứ nhất vào ngày 05/9/2024 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay anh L cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn tiến hành xét xử:

[2] Về nội D vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị D xác định, ngày 13/02/2005 chị và anh Nguyễn Thành L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn. H phúc được khoảng 08 năm đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D và anh L bất đồng quan điểm, thường xuyên điều qua tiếng lại, gay gắt nhất từ năm 2021 chị bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với anh L tính đến nay khoảng 3 năm nên không có thai với anh L. Xét thấy, chị D thực sự không còn tình cảm với anh L, thời gian chung sống với nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thiếu sự chăm lo, yêu thương quý trọng giữa vợ và chồng, làm rạn nứt tình cảm và anh L không hợp tác, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh L mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con: Chị Hà Thị D xác định: Đối với cháu Ngân Thùy D, sinh ngày 18/10/2007 và cháu Ngân Thị Hồng H, sinh 25/10/2013. Mặc dù chị D và anh L không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Nay, chị D đề nghị tiếp tục giao cháu D, cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, thu nhập hàng tháng của chị D và anh L khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Hiện cháu D, cháu H đã và đang do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay đã được đảm bảo. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cho cháu D, cháu H, cần chấp nhận đề nghị của chị D giao cháu D, cháu H cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, với việc tự nguyện giao con của đương sự khi ly thân.

Về tài sản, vay nợ: Chị Hà Thị D không yêu cầu và xác định không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức vay nợ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L không có yêu cầu phản tố và không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Thành L không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội D vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Hà Thị D đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị D và anh Nguyễn Thành L chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Ngân Thùy D, sinh ngày 18/10/2007 và cháu Ngân Thị Hồng H, sinh 25/10/2013 cho chị Hà Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thành L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hà Thị D.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng ) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0001485 ngày 05/6/2024

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Nguyễn Thành L không phải chịu tiền án phí cấp dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn ( 01).
- Bị đơn ( 01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã Chiềng Ken ( 01).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn( 02).
- L-u HS vụ án ( 02 ),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA**

**Đỗ Thị Lụa**